**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN LỚP 8**

**Tuần 24**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp** | **Tiết 47,48-S-§5. PHƯƠNG TRÌNH CHỨA ẨN Ở MẪU** |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | **\*HOẠT ĐỘNG 1**: Tìm điều kiện xác định của phương trình-HS đọc SGK-HS làm ?2 sgk**\*HOẠT ĐỘNG 2**: Giải phương trình chứa ẩn ở mẫu -HS đọc các bước giải trong VD SGK/20**\*HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP****\*NỘI DUNG BÀI GHI*****1/Ví dụ mở đầu: SGK/19******2/Tìm điều kiện xác định của phương trình*** :Điều kiện xác định của phương trình (viết tắt là ĐKXĐ) là điều kiện của ẩn để tất cả các mẫu trong phương trình đều khác 0Ví dụ : Tìm ĐKXĐ của mỗi phương trình sau : a)  Vì x − 2 = 0 ⇒ x = 2Nên ĐKXĐ của phương trình (a) là x ≠ 2b)  Vì x − 1 ≠ 0 khi x ≠ 1 Và x + 2 ≠ 0 khi x ≠ −2Vậy ĐKXĐ của phương trình là x ≠ 1 và x ≠ −2.**?2 :** Tìm ĐKXĐ của pt sau:a)ĐKXĐ: x 1 và x -2b) = ĐKXĐ: x  **3/ G*iải pt chứa ẩn ở mẩu*** *.*Ví dụ: Giải pt: (1)ĐKXĐ: x 0 và x2Quy đồng và khử mẫu 2 vế pt ta có: 2(x+2)(x-2) = (2x+3)x (2)2(x2- 4) = 2x2 + 3x2x2 –8 = 2x2 + 3x3x = - 8x =  ĐKXĐ (thoả mãn)Vậy pt có 1 nghiệm x = \*Cách giải: (SGK)**4/*Áp dụng* :**Ví dụ 3: Giải phương trình− ĐKXĐ : x ≠ −1 và x ≠ 3− Quy đồng mẫu ta có:Suy ra : x2+ x+ x2−3x = 4x ⇔ 2x2−2x−4x = 0  ⇔ 2x2 − 6x = 0 ⇔ 2x(x−3) = 0 ⇔ x = 0 hoặc x = 3 x = 0 (thỏa mãn ĐKXĐ)x = 3(không thỏa mãn ĐKXĐ)Vậy : S = {0}?3  ĐKXĐ : x ≠ ± 1⇔ ⇒ x(x+1)=(x−1)(x+4) ⇔x2 + x − x2 − 3x = -4⇔ − 2x = − 4 ⇔ x = 2 (TM ĐKXĐ).Vậy S = {2} ĐKXĐ: x ≠ 2 ⇔  ⇒3 = 2x -1 –x2 +2x ⇔ x2 – 4x +1 = 0⇔ (x -2)2 = 0 ⇔ x = 2 Không thỏa mãn ĐKXĐTập nghiệm của pt là: S =  **\*LUYỆN TẬP**Bài 27/22sgk: Giải PTĐKXĐ: x ≠ -52x – 5 = 3(x + 5)ó 2x – 5 – 3x – 15 = 0ó -x – 20 = 0ó x = -20 (thỏa mãn)Vậy pt có 1 nghiệm x = - 20**Bài 28 (c, d) SGK/22** a)  ĐKXĐ của pt là x ≠ 1Quy đồng và khử mẫu hai vế ta được2x – 1 + x – 1 = 1 ⬄ 3x – 3 = 0⬄ x = 1 (loại vì không thỏa mãn ĐKXĐ)Vập PT vô nghiệm S = c) x + = x2 +  ĐKXĐ của pt là x ≠ 0Quy đồng và khử mẫu hai vế ta đượcx3 + x = x4 + 1 ⬄ x3 + x - x4 – 1 = 0⬄ (x3 – 1) – x(x3 – 1) = 0 ⬄ (x3 – 1)(1 – x) = 0⬄ (x – 1)2(x2 + x + 2) = 0 ⬄ x = 1 (thỏa mãn ĐKXĐ)Vậy S = {1} **Bài 36 SBT/9** (M3)Cần bổ sung: ĐKXĐ của pt là: Sau khi tìm được x= phải đối chiếu ĐKXĐVậy x = là nghiệm của pt |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | -Học bài.-Xem lại các bài đã giải  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp** | **Tiết 47-H-§6 - TRƯỜNG HỢP ĐỒNG DẠNG THỨ HAI** |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | **\*Hoạt động 1) Định lý:**-HS làm /SGK-75-HS Dự đoán sự đồng dạng của và ?-HS đọc định lý-HS nêu GT, KL của định lý**\*Hoạt động 2) Áp dụng:**-HS làm , ,Bài 32/77**NỘI DUNG BÀI GHI****1) Định lý:**; ;=> Dự đoán  .\*Định lý: SGK/75GT ABC, A'B'C' =(1); Â=Â'KL A'B'C' ABC Chứng minh: SGK/76**2) Áp dụng:** \* Xét ΔABC và ΔDEF có:và Nên ΔABC  ΔDEF (c-g-c)\*Xét ABC và PQR: và  ABC không đồng dạng với PQR\*Vì ΔABC  ΔDEF mà ABC không đồng dạng với PQR nên ΔABC không đồng dạng vớiPQR.Xét  AED vàABC có:    chungNên AED ABC (c-g-c) **BT 32a/77 SGK:**a) Chứng minhOCB OADXét OCB vàOAD : chung Nên OCB OAD (c- g- c)  |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | Câu 1: Nêu trường hợp đồng dạng thứ hai của tam giác? Câu 2: Nêu sự giống và khác nhau giữa trường hợp bằng nhau thứ hai của hai tam giác với trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác?  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp** | **Tiết 48-H-§7. TRƯỜNG HỢP ĐỒNG DẠNG THỨ BA** |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | **Hoạt động 1:Định lý****- HS** Tìm hiểu bài toán/ SGK-77,78-HS đọc định lý/SGK-78**Hoạt động 2. Áp dụng****-**HS thực hiện -HS thực hiện**-Làm bài 36 SGK-79****NỘI DUNG BÀI GHI****1) Định lý:**\*Bài toán:Giải:- Trên tia AB, đặt đoạn thẳng AM = A’B’.Vẽ đường thẳng MN // BC, N  AC. Ta cóAMN ABC (1).Xét AMN và A’B’C’ có: ( )AM = A’B’   AMN = A’B’C’(g-c-g) (2)Từ (1) và (2) suy ra A’B’C’  ABC.\* Định lý: SGK/78**2. Áp dụng:** +ABC cân ở A có Â = 400Xét ABC và PMN có:.Vậy ABCPMN (g-g)+ A'B'C' cóXét A’B’C’và D’E’F’ có:Vậy A’B’C’D’E’F’(g-g)a)Hình vẽ có 3 tam giác ΔABD  ΔACB (g-g)b) ΔABC  ΔADB   (cm)y = 4,5 - 2 = 2,5(cm)c, BD là phân giác góc B (cm)ΔBDC cân tại DBD = CD =2,5**BT 36/79 SGK:**Xét ABD và BDC có:(gt) (so le trong)Do đó, ABD BDC (g-g) |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | Câu 1: Nêu trường hợp đồng dạng thứ ba của tam giác? Câu 2: Nêu sự giống và khác nhau giữa trường hợp bằng nhau thứ ba của hai tam giác với trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác?  |